

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-06 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Nhị

- Ông Nguyễn Hồng Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa - tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1996. Địa chỉ thường trú: ấp Tân Long, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Võ Trần Quốc C, sinh năm 1987. Địa chỉ thường trú: ấp Đình, xã P, huyện H, tỉnh Long An. Địa chỉ tạm trú: ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà N vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo N trình bày: Do quen biết nên bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Võ Trần Quốc C tự nguyện đến với nhau, không có tổ chức đám cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nhì, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ngày 08/11/2017. Sau khi cưới thì vợ chồng ra ở trọ để đi làm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, về kinh tế, ông C thường xuyên nóng giận vô cớ và đuổi bà N ra khỏi nhà, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, xung đột mâu thuẫn với nhau ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được. Hơn nữa, giữa ông C và gia đình bà N có nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 01/2021 bà N và con đã về cha mẹ ruột ở xã Nhơn Nhì, huyện Tân Thạnh sống cho đến nay, từ khi sống

ly thân đến nay ông C có đến thăm con được vài lần và cũng có năn nĩ bà N về đoàn tụ với ông C nhưng bà N không đồng ý. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Quốc Thịnh, sinh ngày 17/12/2016, hiện tại con chung đang sống với bà N tại nhà cha mẹ bà N ở xã Nhơn Nh, huyện Tân Thạnh. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, trước đây trong đơn khởi kiện bà N có yêu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ nhưng nay bà xác định không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con chung cho ông C nuôi dưỡng thì bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nghề nghiệp hiện tại của bà N là làm công nhân tại huyện Tân Thạnh, do mới xin được việc đi làm khoảng 02 tuần nên bà chưa có tiền lương nhưng thu nhập một tháng khoảng 07-08 triệu đồng, vì vậy bà có đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc cho con. Khi bà đi làm ông bà ngoại giữ con và đưa rước con đi học. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Trần Quốc C trình bày: Ông C thống nhất với phần trình bày của bà N về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, do áp lực công việc nên ông C cũng có nổi nóng chửi bà N và có đuổi bà N ra khỏi nhà nhưng ông C đã biết lỗi của mình và có đến nhà cha mẹ bà N năn nĩ bà N về sống nhưng bà N không đồng ý. Ông C xác định còn thương bà N muốn hàn gắn tình cảm với bà N để nuôi con nên không đồng ý ly hôn. Về mâu thuẫn giữa ông C và gia đình bà N là có nhưng ông C cũng đã xin lỗi cha mẹ vợ nhưng không được tha thứ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Quốc Thịnh, sinh ngày 17/12/2016, hiện tại con chung đang sống với bà N tại nhà cha mẹ bà N ở xã Nhơn Nh, huyện Tân Thạnh. Hiện tại ông C đang kinh doanh mua bán điện thoại di động tại ấp 7, xã Nhị Thành thu nhập một tháng khoảng 30.000.000đ do đó điều kiện kinh tế, chăm sóc con của ông tốt hơn bà N nên ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho bà N nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải để đoàn tụ nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Võ Trần Quốc C có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp

luật bảo vệ. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông C đang cư trú tại ấp 7, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông C nóng tính chửi bới và đuổi bà N ra khỏi nhà. Hậu quả bà N đã về bên cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 1/2021. Tòa án tiến hành hòa giải cho bà N và ông C trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song ông bà không cải thiện được tình trạng hôn nhân. Hiện tại bà N vẫn cương quyết ly hôn, ông C muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng ông không có động thái nào làm cho quan hệ hôn nhân tốt hơn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà N và ông C không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của bà N ông C thấy rằng: Mặc dù ông C có điều kiện kinh tế tốt hơn bà N. Tuy nhiên cháu Thịnh từ khi sinh ra đã do bà N chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù bà N gửi con cho bà Ngoại chăm sóc nhưng bà sáng đi chiều về. Cháu N cũng sắp tới tuổi đi học. Do đó để ổn định cuộc sống cho con chung không bị xáo trộn nên HĐXX giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Bà N và Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 và 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo N đối với ông Võ Trần Quốc C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn với ông Võ Trần Quốc C.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Quốc Thịnh, sinh ngày 17/12/2016, cho bà Nguyễn Thị Bảo N trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

Án phí: Bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007685 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà Nguyễn Thị Bảo N không phải nộp thêm án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Nêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương